



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

Đối tượng đăng ký: **Giảng viên** ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: **Giao thông vận tải**; Chuyên ngành: **Vật liệu**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGÔ TRÍ THƯỜNG**

2. Ngày tháng năm sinh: **15/07/1982**; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: **Việt Nam**;

Dân tộc: **Kinh**; Tôn giáo: **Không**.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: **Xã Nghi Mỹ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Số nhà 19, ngõ 29, đường Giáp Bát, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.**

6. Địa chỉ liên hệ: **Bộ môn Công trình giao thông, Phòng 422, Nhà A1, Trường Đại học Thủy Lợi - Số 175 Tây Sơn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.**

Điện thoại nhà riêng ; Điện thoại di động: **097 112 5699**;

E-mail: trithuong@tlu.edu.vn; ngotrithuong@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 03/2005 đến 12/2010: Kỹ sư đường; Trưởng phòng KH-DA Công ty CP Đầu tư và Tư vấn xây dựng 306; Chuyên gia đường cho: Tập đoàn Finnroad Ltd, Phần Lan; Tập đoàn NDLee Consultant, Canada; Tập đoàn Louis Berger, Mỹ; Egis International Consultant, Pháp.

- Từ 12/2010 đến nay: Giảng viên Bộ môn Công trình giao thông, Khoa Công trình, Trường Đại học Thủy lợi. Trong đó:

- Từ 12/2010 đến 12/2011: Giảng viên (thử việc 12 tháng), Bộ môn Công trình giao thông, Khoa công trình, Trường Đại học Thủy lợi.
- Từ 12/2011 đến 08/2014: Giảng viên, Bộ môn Công trình giao thông, Khoa công trình, Trường Đại học Thủy lợi.

- Từ 8/2012 đến 12/2012: Thực tập, trao đổi tại trường Đại học Arkansas, Mỹ.
 - Từ 8/2014 đến 8/2018 làm nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Sejong, Xơun, Hàn Quốc.
 - Từ 9/2018 đến 6/2019: Giảng viên, Bộ môn Công trình giao thông, Khoa công trình, Trường Đại học Thủy lợi.
 - Từ 9/2019 đến 1/2020: Giảng viên, Phó trưởng BM Công trình giao thông, Khoa công trình, Trường Đại học Thủy lợi.
 - Từ 1/2020 đến 02/2021: Giảng viên, Phó trưởng BM, Phụ trách BM Công trình giao thông, Khoa công trình, Trường Đại học Thủy lợi.
 - Từ 2/2021 đến 6/2022: Giảng viên, Trưởng BM Công trình giao thông, Khoa công trình, Trường Đại học Thủy lợi.
- Chức vụ: Hiện nay: Trưởng BM Công trình giao thông, khoa Công trình, Trường Đại học Thủy lợi; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng BM Công trình giao thông.
- Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Công trình giao thông, khoa Công trình, Trường Đại học Thủy lợi.
- Địa chỉ cơ quan: Số 175, đường Tây Sơn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
- Điện thoại cơ quan: 84-24-38522201
- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): *Không*
8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm: *Chưa*
- Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): -
- Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): -
9. Học vị:
- Được cấp bằng Đại học ngày 10/3/2005; số văn bằng: B543025; ngành: Xây dựng cầu đường, chuyên ngành: Đường ô tô và đường thành phố; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Xây dựng, Việt Nam.
- Được cấp bằng Thạc sỹ ngày 23/03/2011; số văn bằng: A005064; ngành: Cầu đường; chuyên ngành: Xây dựng đường ô tô và đường thành phố; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam.
- Được cấp bằng TS ngày 17/8/2018; số văn bằng: 134; ngành: Xây dựng; chuyên ngành: Kỹ thuật Xây dựng; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Sejong, Hàn Quốc.
10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: *Chưa*
11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: **Trường Đại học Thủy lợi**
12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: **Giao thông vận tải**
13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu tính chất cơ học, cơ chế phá hủy và ăn mòn của vật liệu UHPFRC/HPFRCs
- Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu khả năng kháng cắt của vật liệu UHPFRCs dưới tác dụng của tải trọng tốc độ cao.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **01** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS, đã được cấp bằng; **01** HVCH đã hoàn thành luận văn.
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:
 - + **01** đề tài cấp Trường với vai trò chủ nhiệm.
 - + **02** đề tài cấp Quốc gia (Nafosted) với vai trò thành viên nghiên cứu chính.
 - + **01** đề tài cấp Quốc gia (Nafosted) với vai trò chủ nhiệm đề tài, đã nộp hồ sơ nghiệm thu tháng 5/2022.
- Đã công bố **27** bài báo khoa học, trong đó **13** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín SCI(E); **09** bài báo đăng trên tạp chí khoa học có uy tín trong nước (05 bài thuộc tạp chí ACI); **05** bài báo trình bày và đăng trong kỷ yếu hội nghị khoa học quốc tế (03 bài thuộc danh mục Scopus);
- Đã được cấp **01** bằng sáng chế
- Số lượng sách đã xuất bản: **00**;

15. Khen thưởng:

- Giấy khen của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền tại Hàn Quốc năm 2015.
- Giấy khen của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền tại Hàn Quốc năm 2017.
- Bằng khen của BCH TW Hội Sinh viên Việt Nam năm 2017.
- Bằng khen của BCH Đoàn TNCSHCM thành phố Hà Nội, năm 2019.
- Giấy khen của Hội sinh viên VN tại Hàn Quốc các năm 2015, 2016, 2017, 2018.
- Giấy khen Đảng viên Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ các năm 2015, 2016, 2017 (Đảng ủy tại Hàn Quốc); 2019, 2020, và 2021 (Đảng ủy các trường ĐH, CĐ tại Hà Nội).
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2019-2020, 2020-2021.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Theo tiêu chuẩn:

- Có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt;
- Có chuyên môn được đào tạo phù hợp;

- Có lý lịch bản thân rõ ràng;
- Có sức khỏe đảm bảo yêu cầu nghề nghiệp.

Theo nhiệm vụ:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ của nhà giáo về đào tạo và nghiên cứu khoa học;
- Thực hiện tốt quy định của pháp luật và điều lệ của Nhà trường;
- Không ngừng rèn luyện trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy và nghiên cứu;
- Tham gia giảng dạy chuyên môn bằng ngoại ngữ tiếng Anh.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số: **06** năm 6 tháng (02 năm 8 tháng trước bảo vệ Tiến sĩ và 03 năm 10 tháng sau bảo vệ Tiến sĩ)
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2012-2013	-	-	-	-	150	-	150/178.6/132
2	2013-2014				07	123.5		123.5/273.9/132
3	2014-2015	-	-	-	-	-	-	0/0/0
4	2015-2016	-	-	-	-	-	-	0/0/0
5	2016-2017	-	-	-	-	-	-	0/0/0
6	2017-2018	-	-	-	-	-	-	0/0/0
7	2018-2019	-	-	-	14	212	-	212/502.9/162
03 năm học cuối								
8	2019-2020	-	-	-	05	157.50	-	157.5/303.6/113
9	2020-2021	-	-	01	13	223.50	-	223.5/507.2/74.3
10	2021-2022	-	-	01	05	180	0	180/283/152

(*) Kể cả giờ quy đổi hướng dẫn luận văn Thạc sĩ.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒ :

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Bảo vệ luận án tiến sĩ ☒; Tại nước: **Hàn Quốc** năm 2018.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐ :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: -

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: **Tiếng Anh**

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

+ Trường Đại học Thủy Lợi, Việt Nam (cho sinh viên Chương trình tiên tiến liên kết với Đại học Arkansas – Mỹ, ngành Kỹ thuật xây dựng).

+ Trường Đại học Sejong, Hàn Quốc (Cho sinh viên cao học, ngành Kỹ thuật xây dựng).

d) Đối tượng khác: ☐

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

- Viết luận án, bảo vệ và nhận bằng Tiến sĩ tại Hàn Quốc (Sử dụng tiếng Anh).

- Chứng chỉ IELTS: 5.50 (2012)

4. Hướng dẫn HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Hoàng Văn Hải		×	×		2020 – 2021	Trường ĐH Thủy Lợi	Ngày cấp bằng: 3/11/2021

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1	-	-	-	-	-	-	-
II	Sau khi được công nhận TS						
1							

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Dự thảo chỉ dẫn kỹ thuật thiết kế và thi công neo trong đất (Loại phun vữa xi măng)	TK	Cấp trường	2011-2013	19/6/2013 Đạt
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu khả năng kháng uốn của bê tông siêu tính năng gia cố cốt sợi thép	CN	151/HĐ-ĐHTL Cấp Trường	2020	30/12/2020 Tốt
2	Nghiên cứu tính chất cơ học của vật liệu bê tông tính năng siêu cao gia cố cốt sợi thép chịu tác dụng tải trọng va đập, nổ: Áp dụng cho các công trình quân sự	CN	107.01-2019.03 Cấp quốc gia	2019-2022	Đã nộp hồ sơ nghiệm thu 20/5/2022
3	Nghiên cứu khả năng chịu kéo động và khả năng kháng ăn mòn của bê tông tính năng cao gia cường cốt sợi sử dụng trong kết cấu công trình bảo vệ bờ biển	Thành viên Nghiên cứu viên chủ chốt	107.01-2019.34 Cấp quốc gia	2019-2022	01/4/2022 Đạt
4	Ứng dụng công nghệ Nanoindentation trong đánh giá tính chất vật liệu của kết cấu chịu tải trọng động: Áp dụng cho mối hàn thép kết cấu và bê tông tính năng siêu cao	Thành viên Nghiên cứu viên chủ chốt	107.01-2018.22 Cấp quốc gia	2018-2020	03/3/2021 Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận TS								
1	Nghiên cứu để ứng dụng công nghệ neo đất của Nhật Bản JGS4101-2000 vào Việt Nam	3		Tạp chí Người Xây dựng. ISSN: 0866-8531			6&7/2012, 71-76	12/2012
2	Shear resistance of ultra-high-performance fiber-reinforced concrete	4	×	Construction and Building Materials ISSN: 0950-0618	ISI (IF 2 năm = 7.581, Q1)	35	151 (2017) 246–257	06, 2017
3	Shear stress versus strain responses of ultra-high-performance fiber-reinforced concretes at high strain rates	2	×	International Journal of Impact Engineering ISSN: 0734743X	ISI (IF 2 năm = 4.714, Q1)	22	111 (2018) 187–198	09, 2017
4	Strain rate-dependent shear failure surface of ultra-high-performance fiber-reinforced concretes	2	×	Construction and Building Material ISSN: 0950-0618	ISI (IF 2 năm = 7.581, Q1)	09	171 (2018) 901–912	03, 2018
5	Synergy in shear response of ultra-high-performance hybrid-fiber-reinforced concrete at high strain rates	2	×	Composite Structures ISSN: 0263-8223	ISI, (IF 2 năm = 6.369, Q1)	18	195 (2018) 276–287	04, 2018
II Sau khi được công nhận TS								
6	Khả năng kháng cắt của bê tông tính năng siêu cao gia cường cốt sợi	3		Tạp chí Xây dựng - Bộ xây dựng. ISSN: 2734-9888			12/2018, 3-6	12, 2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
7	Shear resistance of ultra-high-performance fiber-reinforced concrete with hybrid fiber subjected to impact loading	2		Journal of Science and Technology in Civil Engineering NUCE 2019. ISSN: p-1859-2996 e-2734-9268	ACI Indexed		13 (1): 12–20	01, 2019
8	Loading rate effect on crack velocity in ultra-high-performance fiber-reinforced concrete	2	×	Construction and Building Material ISSN: 0950-0618	ISI (IF 2 năm = 7.581, Q1)	20	197, 548-558	02, 2019
9	Interfacial bond characteristics of steel fibers embedded in cementitious composites at high rates	3		Cement and Concrete Research ISSN: 0008-8846	ISI (IF 2 năm = 11.176, Q1)	18	123, 105802	09, 2019
10	Investigate the mechanical characteristic of ultra-high-performance fiber-reinforced concrete at different strain rates	2	x	Proceedings of The 3rd Int. Conf. on Transport Infrastructure & Sustainable Development (TISDIC 2019) ISBN 978-604-82-2518-6			497-542	09, 2019
11	Weibull modulus from size effect of high-performance fiber-reinforced concrete under compression and flexure	5		Construction and Building Material ISSN: 0950-0618	ISI, (IF 2 năm = 7.581, Q1)	15	226, 743-758	11, 2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
12	Effect of confining pressure on shear resistance of UHPFRC	1	x	Journal of Science and Technology in Civil Engineering NUCE 2020. ISSN: p-1859-2996 e-2734-9268	ACI Indexed		14 (2): 108–115	04, 2020
13	Ứng xử nén đa trục của bê tông tính năng cao	3		Tạp chí giao thông vận tải ISSN: 2345-0818 e-2615-9791 (0866-7012)			6/2020, 43-47	06, 2020
14	Effects of Fiber Type and Volume Fraction on Fracture Properties of Ultra-High-Performance Fiber-Reinforced Concrete	3		Lecture Notes in Civil Engineering: Vol. 80, Chapter 21, Springer Nature Singapore Pte Ltd. ISBN: 978-981-15-5144-4	Springer Proceedings Indexed by Scopus		477–484	07, 2020
15	Using Deterministic Approach to Predict Compressive Strength of High-Performance Fiber-Reinforced Concretes under Different Sizes	4		Lecture Notes in Civil Engineering: Vol. 80, Chapter 21, Springer Nature Singapore Pte Ltd. ISBN: 978-981-15-5144-4	Springer Proceedings Indexed by Scopus	1	381-388	07, 2020
16	Investigating the crack velocity in ultra-high-performance fiber-	3	x	Lecture Notes in Civil Engineering: Vol. 80, Chapter	Springer Proceedings Indexed by Scopus		287-294	07, 2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	reinforced concrete at high strain rates			21, Springer Nature Singapore Pte Ltd. ISBN: 978-981-15-5144-4				
17	Ultimate Bond Strength of Steel Bar Embedded in Sea Sand Concrete under Different Curing Environments	4		2020 5th International Conference on Green Technology and Sustainable Development (GTSD) ISBN: 978-1-7281-9982-5		1	98-102	11, 2020
18	Microstructural characteristics of Ultra-high performance concrete by grid nanoindentation and sstatistical analysis	2		Journal of Science and Technology in Civil Engineering NUCE 2021. ISSN: p-1859-2996 e-2734-9268	ACI Indexed		15 (1): 90-101	01, 2021
19	Evaluating Load-Carrying Capacity of Short Composite Beam Using Strain-Hardening HPRC	5		KSCE Journal of Civil Engineering ISSN: 12267988, 19763808	ISI (IF 2 năm = 2.3, Q2)	1	25 (4), 1410-1423	02, 2021
20	Nghiên cứu khả năng kháng uốn của bê tông siêu cường độ gia cố cốt sợi dưới tác dụng của tải trọng động		x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Serie B) ISSN: 1859-4794			63 (3): 40-45	03, 2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
21	Effects of corrosion level and inhibitor on pullout behavior of deformed steel fiber embedded in high performance concrete		x	Construction and Building Material ISSN: 0950-0618	ISI (IF 2 năm = 7.581, Q1)	5	280, 122449	04, 2021
22	Span length-dependent load-carrying capacity of normal concrete - HPFRC beams	3		Journal of Science and Technology in Civil Engineering NUCE 2021. ISSN: p-1859-2996 e-2734-9268	ACI Indexed		15 (2): 26-37	04, 2021
23	Dynamic fracture toughness of ultra-high-performance fiber-reinforced concrete under impact tensile loading	6		Structure Concrete, ISSN: 1751-7648;	ISI (IF 2021 = 3.131, Q1)	4	23 (2), 1845-1860	06, 2021
24	Sensitivity of various fiber features on shear capacities of ultra-high-performance fiber-reinforced concrete	4	x	Magazine of Concrete Research ISSN 0024-9831 E-ISSN 1751-763X	ISI (IF 2 năm = 2.32, Q1)	1	74 (4), 190-206	02, 2022
25	Confined compressive behavior of high-performance fiber-reinforced concrete and conventional concrete with size effect	5		Construction and Building Material ISSN: 0950-0618	ISI (IF 2 năm = 7.581, Q1)	1	336, 127382	06, 2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
26	Dynamic shear response of ultra-high-performance fiber-reinforced concretes under impact loading	5	x	Structural ISSN: 23520124	ISI, (IF 2 năm 3.859, Q1)			06, 2022
27	Predicting tensile properties of strain-hardening concrete containing hybrid fibers from single fiber pullout resistance	5	x	Journal of Science and Technology in Civil Engineering HUCE 2022. ISSN: p-1859-2996 e-2734-9268				06, 2022

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: **04** bài báo, số thứ tự 08, 21, 24, 26.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1	Hệ thống thí nghiệm cắt tải trọng động	Cục sở hữu trí tuệ Hàn Quốc	30/5/2018	Tác giả chính	02

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	-	-	-	-	-

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH&CN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo ngành KTXD Công trình giao thông – Bachelor	Tham gia	-	Trường Đại học Thủy lợi	Quyết định số 126/QĐ/ĐHTL ngày 16/2/2011	
2	Chương trình đào tạo Ngành KTXD công trình giao thông – áp dụng từ K62 Bachelor	Tham gia	-	Trường Đại học Thủy lợi	Số 1022/QĐ-ĐHXD, ngày 15/9/2020	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): không

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): không

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): không

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH đã có Quyết định cấp bằng ThS (UV chức danh PGS) ☒

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

[11] D.L. Nguyen*, D.K. Thai, T.T. Ngo, T.K. Tran, and T.T. Nguyen, “Weibull modulus from size effect of high-performance fiber-reinforced concrete under compression and flexure,” *Construction and Building Materials*, vol. 226, no. 2019, pp. 743–758, 2019.

Tạp chí SCIE (IF 2 năm = 7.581, Q1). DOI: 10.1016/j.conbuildmat.2019.07.234..

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☒

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

[25] D.L. Nguyen*, D.K. Thai, N.T. Tran, T.T. Ngo, and H.V. Le, "Confined compressive behaviors of high-performance fiber-reinforced concrete and conventional concrete with size effect," *Construction and Building Materials*, vol. 336, p. 127382, 2022. **Tạp chí SCIE (IF 2 năm = 7.581, Q1).** DOI: <https://doi.org/10.1016/j.conbuildmat.2022.127382>.

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: **04 CTKH** ☒

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Ngô Trí Thường

